

BẢNG THANH TOÁN TIỀN THỪA GIỜ DẠY TUYỂN SINH VÀO 10 THPT NĂM HỌC 2024-2025

DVT: Đồng

TT	Họ và tên	Hệ số lương, phụ cấp							Tiền lương 1 tháng	Số tháng	Tổng tiền lương/năm	Định mức tiết dạy/năm học (19*36)	Thời gian dạy	Số tiết dạy tuyển sinh lớp 10 THPT	Số tiết dạy KH KT	Tổng số tiết dạy thừa	Số tiền dạy thừa giờ /tiết	Thành tiền	Lũy kế số tiết dạy thừa giờ năm 2025	Ghi chú
		Hệ số lương	PCCV	% TNN	PC TNN	PCBL	PC KV	PC TN												
1	2								3	4=3 x 2.340.000đ		5=4*12	6	7		8	9=5/12*35*5 2*150%	10=9 x 8	11	12
1	Nguyễn Thanh Hương	5,02	0,20	24%	1,253	1,566	0,1		8,139	19.044.792	7	133.313.544	684	08/2024 =>02/2025		0	196.777	0		
		5,02	0,20	25%	1,305	1,566	0,1		8,191	19.166.940	5	95.834.700	684	03/2025 =>07/2025		0	141.456	0		T3
	cộng											229.148.244	684		60	60	338.233	20.293.999	165	
2	Nguyễn Thị Nhung	4,34		19%	0,825	1,302	0,1		6,567	15.365.844	7	107.560.908	684	08/2024 =>02/2025		0	158.765	0		
		4,34		20%	0,868	1,302	0,1		6,610	15.467.400	5	77.337.000	684	03/2025 =>07/2025		0	114.153	0		T3
	cộng											184.897.908	684		60	60	272.918	16.375.068	172	
3	Bùi Thị Thanh Hà	4,34	0,15	18%	0,808	1,347	0,1		6,745	15.783.768	12	189.405.216	684	08/2024 =>07/2025	60	60	279.571	16.774.247	140	
4	Đỗ Thị Bích Phượng	4,34	0,20	19%	0,863	1,362	0,1		6,865	16.063.164	7	112.442.148	684	08/2024 =>02/2025		0	165.970	0		
		4,34	0,20	20%	0,908	1,362	0,1		6,910	16.169.400	5	80.847.000	684	03/2025 =>07/2025		0	119.334	0		T3
	cộng											193.289.148	684		60	60	285.304	17.118.219	218	
5	Đỗ Thị Huyền	5,70		32%	1,824	1,710	0,1		9,334	21.841.560	5	109.207.800	684	08/2024 =>12/2024		0	161.196	0		
		5,70		33%	1,881	1,710	0,1		9,391	21.974.940	7	153.824.580	684	01/2025 =>7/2025		0	227.052	0		T1
	cộng											263.032.380	684		30	30	388.248	11.647.436	65	
6	Nguyễn Thị Vân	4,34	0,20	17%	0,772	1,362	0,1		6,774	15.850.692	2	31.701.384	684	08/2024 =>09/2024		0	46.793	0		
		4,34	0,20	18%	0,817	1,362	0,1		6,819	15.956.928	10	159.569.280	684	10/2024 =>07/2025		0	235.532	0		T10
	cộng											191.270.664	684		60	60	282.324	16.939.457	208	
7	Trần Thị Kim Anh	5,02		25%	1,255	1,506	0,1		7,881	18.441.540	2	36.883.080	684	08/2024 =>09/2024		0	54.441	0		
		5,02		26%	1,305	1,506	0,1		7,931	18.559.008	6	111.354.048	684	10/2024 =>03/2025		0	164.364	0		T10
		5,36		26%	1,394	1,608	0,1		8,462	19.800.144	4	79.200.576	684	04/2025 =>07/2025		0	116.904	0		T4
	cộng											227.437.704	684		30	30	335.708	10.071.255	78	
8	Nguyễn Thị Phượng	3,00		8%	0,240	0,900	0,1		4,240	9.921.600	6	59.529.600	684	08/2024 =>01/2025		0	87.868	0		
		3,33		8%	0,266	0,999	0,1		4,695	10.987.236	6	65.923.416	684	02/2024 =>07/2025		0	97.306	0		T2
	cộng											125.453.016	684		60	60	185.174	11.110.464	169	
9	Lê Thị Hồng Phượng	4,34		19%	0,825	1,302	0,1		6,567	15.365.844	7	107.560.908	684	08/2024 =>02/2025		0	158.765	0		
		4,34		20%	0,868	1,302	0,1		6,610	15.467.400	5	77.337.000	684	03/2025 =>07/2025		0	114.153	0		T3
	cộng											184.897.908	684		30	30	272.918	8.187.534	60	
	Tổng cộng														450	0	450		128.517.679	

Tổng số tiền bằng chữ: Hai trăm chín mươi một triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn không trăm bốn mươi đồng.

Ghi chú: Cách tính thống nhất trong biên bản hợp HDSP ngày 27/5/2025

Cách tính: + Định mức tiết dạy/năm học = Định mức tiết dạy/tuần x số tuần dành cho giảng dạy = (kì I: 19 tiết/tuần x 19 tuần + kì II: 19 tiết/tuần x 17 tuần) = 684 tiết

$$+ \text{Tiền lương 1 tiết dạy thêm} = \frac{\text{Tổng tiền lương 12 tháng}}{\text{Định mức tiết dạy/năm học}} \times \frac{\text{Số tuần dành cho giảng dạy}}{52 \text{ tuần}} \times 150\%$$

NGƯỜI LẬP



Mai Thị Thanh Nga

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đặng Chí Quyết

Ngày tháng 9 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Thị Bắc